



ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBDT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc cơ bản đã thực hiện được sứ mệnh lịch sử - là văn bản quy phạm pháp luật định hướng để các bộ, ngành, địa phương xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc cơ bản thống nhất, đồng bộ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu thực tế. Theo đó, vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy nội lực của các DTTS. Hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được tăng cường đầu tư, đời sống của đồng bào DTTS được nâng lên rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm, niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước không ngừng được củng cố và tăng cường, khối đại đoàn kết được chăm lo xây dựng.

Tuy nhiên, tình hình triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trong thời gian qua còn không ít khuyết điểm, hạn chế do một số quy định của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP còn những bất cập, hạn chế (như: Phạm vi nội hàm “Công tác dân tộc”, “Chính sách dân tộc”, “Vùng đồng bào DTTS” và vấn đề phân định vùng đồng bào DTTS và miền núi chưa rõ ràng, cụ thể; một số chính sách dân tộc chưa thể chế hóa đầy đủ, toàn diện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của Hiến pháp năm 2013; một số chính sách dân tộc chưa thật sự phù hợp với yêu cầu thực tế ở vùng đồng bào DTTS, chưa thống nhất, đồng bộ với các luật chuyên ngành; một số quy định quản lý nhà nước về công tác dân tộc, hoàn thiện hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc và trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương chưa được quy định chi tiết, cụ thể, toàn diện.... Kết quả thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu, cấp bách đối với vùng đồng bào DTTS, nhất là ở khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây duyên hải miền Trung chuyển biến chậm. So với sự phát triển chung của cả nước và từng địa phương, đời sống của đồng bào DTTS vẫn còn nhiều khó khăn, kinh tế - xã hội phát triển chậm; tỉ lệ hộ nghèo, cận nghèo và nguy cơ tái nghèo cao; khoảng cách giàu - nghèo có xu hướng gia tăng. Hủ tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan chậm được khắc phục; còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Tình hình thế giới có nhiều biến động nhanh, phức tạp, khó lường, nhiều vấn đề mới phát sinh chưa có tiền lệ, khó khăn hơn so với dự báo như: cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột quân sự Nga và Ucraina; lạm phát tăng mạnh ở nhiều quốc gia; suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu; rủi ro tài chính, tiền tệ gia tăng; nguy cơ mất ổn định an ninh năng lượng, an ninh lương thực ngày càng hiện hữu. Các đối tượng phản động trong và ngoài nước vẫn chưa từ bỏ âm mưu thành lập các “nhà nước”, “vương quốc” tự trị; lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng để lôi kéo, kích động, gây mất an ninh, trật tự an toàn xã hội và đoàn kết dân tộc.

Mặt khác, sau 12 năm ban hành Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, Đảng ta đã trải qua 2 lần Đại hội, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có nhiều văn bản quan trọng đối với công tác dân tộc, chính sách dân tộc, nhất là Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới. Nhà nước đã ban hành Hiến pháp năm 2013 và nhiều đạo luật, nghị quyết có nội dung liên quan cần được tiếp tục thể chế cho phù hợp, đầy đủ, toàn diện.

Qua tổng kết, hội thảo, các bộ, ngành, địa phương đều thống nhất đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách dân tộc, đáp ứng yêu cầu của công tác dân tộc trong tình hình mới.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của Hiến pháp 2013, các đạo luật, Nghị quyết của Quốc hội về lĩnh vực công tác dân tộc; quy phạm hóa các văn bản, chính sách để khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nội dung không còn phù hợp của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP nhằm hoàn thiện hệ thống chính sách dân tộc, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc; đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ về những vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách của công tác dân tộc trong tình hình mới.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Quy định thống nhất phạm vi nội hàm về “Công tác dân tộc”, “Chính sách dân tộc”, “Vùng đồng bào DTTS” và vấn đề phân định vùng đồng bào DTTS phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ về công tác dân tộc

1.1. Xác định vấn đề

Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới xác định “Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp,

các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị”; Khoản 5 Điều 70 Hiến pháp năm 2013 và khoản 3 Điều 7 Luật Tổ chức Quốc hội quy định “Quốc hội quyết định chính sách dân tộc”; Điều 16 Luật Tổ chức Chính phủ quy định “Chính phủ xây dựng và trình Quốc hội quyết định chính sách dân tộc của Nhà nước; Chính phủ quyết định chính sách cụ thể nhằm bảo đảm thực hiện chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển....”. Tuy nhiên, dưới góc độ quản lý nhà nước thì Nghị định 05/2011/NĐ-CP chưa quy định rõ phạm vi nội hàm về “Công tác dân tộc”, “Chính sách dân tộc”, “Vùng đồng bào DTTS” và vấn đề phân định vùng đồng bào DTTS phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ về công tác dân tộc, cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh và các nguyên tắc của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP chưa thể chế hóa đầy đủ, toàn diện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của Hiến pháp năm 2013 về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, nhất là các nội dung: i) Giải quyết vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách của công tác dân tộc; sự tham gia của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của hệ thống chính trị; ii) Phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng đồng bào DTTS; tinh thần, ý chí tự lực, tự cường để các DTTS phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước; iii) Bảo đảm nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo, quan trọng và quyết định trong thực hiện chính sách dân tộc.

- Việc giải thích thuật ngữ “Công tác dân tộc” trong Nghị định 05/2011/NĐ-CP còn trùng lặp với phạm vi điều chỉnh, chưa cụ thể, chưa gắn với công tác tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để các DTTS phát triển toàn diện, phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước;

- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP sử dụng thuật ngữ “Vùng DTTS” nhưng khoản 3 Điều 61, khoản 2 Điều 75 Hiến pháp năm 2013 sử dụng thuật ngữ “Vùng đồng bào DTTS”, Nghị quyết số 88/2019/QH14 sử dụng thuật ngữ “Vùng đồng bào DTTS và miền núi”.... Bên cạnh đó, chưa có tiêu chí để xác định rõ nội hàm “Vùng đồng bào DTTS” là vùng, địa bàn như thế nào (tỉnh, huyện, xã, thôn) nên chưa có cách hiểu thống nhất trong tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP và hệ thống văn bản liên quan đến công tác dân tộc.

- Việc phân định vùng đồng bào DTTS và miền núi theo trình độ phát triển mới dừng lại ở cấp xã và thôn, chưa thể chế hóa đầy đủ nội dung “*Xây dựng tiêu chí phân định lại vùng đồng bào DTTS và miền núi theo hướng xác định rõ vùng DTTS (tỉnh, huyện, xã, thôn, bản), địa bàn xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm*” theo Kết luận số 65-KL/TW. Hiện nay, các tiêu chí xác định xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn) thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi chưa thống nhất, đồng bộ với các tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025 và chưa gắn với các tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025. Tiêu chí phân định

các xã khác nhau nhưng lại áp dụng chung cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện đối với các chương trình mục tiêu quốc gia... là chưa thực sự phù hợp. Mặt khác, pháp luật hiện hành quy định “Vùng đồng bào DTTS và miền núi” nhưng lại không có tiêu chí “thế nào là miền núi” dẫn đến việc sử dụng các thuật ngữ trên còn lộn xộn, chưa thống nhất.

- Các văn bản trên chưa xác định rõ thế nào là chính sách dân tộc, chưa có sự thống nhất về nhận thức trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách dân tộc, gây khó khăn cho công tác rà soát, tổng hợp, theo dõi, đánh giá thực hiện dẫn đến chưa bảo đảm tính toàn diện của hệ thống chính sách dân tộc.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Thống nhất phạm vi nội hàm “Công tác dân tộc”, “Chính sách dân tộc”, “Quản lý nhà nước về công tác dân tộc”; xác định rõ địa bàn “Vùng đồng bào DTTS” và vấn đề phân định vùng đồng bào DTTS phù hợp với phạm vi quản lý nhà nước theo nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ về công tác dân tộc, bảo đảm phạm vi điều chỉnh và các nguyên tắc cơ bản của công tác dân tộc mang tính khái quát, toàn diện, tạo hành lang pháp lý thống nhất để các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác dân tộc xác định được phạm vi, đối tượng thụ hưởng và nội dung chính sách trong tổ chức triển khai thực hiện chính sách dân tộc.

1.3. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành.

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không làm xáo trộn các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến công tác dân tộc, chính sách dân tộc; không phải sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến các quy định trên.

- Hạn chế: Không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP với hệ thống pháp luật về các nội dung liên quan đến phạm vi nội hàm “Công tác dân tộc”, “Chính sách dân tộc”, “Vùng đồng bào DTTS” và vấn đề phân định vùng đồng bào DTTS... làm ảnh hưởng đến hiệu lực pháp lý của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Không làm phát sinh chi phí so với quy định hiện hành của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, không có tác động về xã hội.

- Hạn chế: Không thống nhất được phạm vi nội hàm về “Công tác dân tộc”, “Chính sách dân tộc”, “Vùng đồng bào DTTS” và vấn đề phân định vùng đồng bào DTTS... sẽ không thống nhất được hệ thống chính sách dân tộc (gồm những chính sách gì, trong lĩnh vực nào? Cho đối tượng, địa bàn nào...?) thì không có căn cứ để rà soát, tổng hợp, đánh giá và đề xuất nguồn lực kinh phí thực hiện chính sách dân tộc dẫn đến khó tập trung nguồn lực để “Ưu tiên đầu tư có trọng

tâm, trọng điểm, tập trung cho địa bàn đặc biệt khó khăn, nhóm dân tộc có khó khăn đặc thù của vùng đồng bào DTTS và miền núi” theo quan điểm, mục tiêu tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội.

Mặt khác, không thống nhất được phạm vi nội hàm về “Công tác dân tộc”, “Chính sách dân tộc”, “Vùng đồng bào DTTS” và vấn đề phân định vùng đồng bào DTTS... sẽ khó thống nhất về nhận thức, hành động, nhất là khó huy động các nguồn lực của xã hội, sự chung tay của người dân và xã hội tham gia vào quá trình giám sát, đánh giá tổ chức thực hiện chính sách dân tộc, làm mất hiệu lực, hiệu quả của chính sách.

c) Tác động về giới: Không có tác động.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Không có tác động.

1.3.2. Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, một số thuật ngữ, các nguyên tắc và một số quy định khác của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP đảm bảo quy định thống nhất phạm vi nội hàm về “Công tác dân tộc”, “Chính sách dân tộc”, “Vùng đồng bào DTTS” và vấn đề phân định vùng đồng bào DTTS phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ về công tác dân tộc.

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP với quy định của Hiến pháp năm 2013 và hệ thống pháp luật về phạm vi nội hàm các từ ngữ “Công tác dân tộc”, “Chính sách dân tộc”, “Vùng đồng bào DTTS” và vấn đề phân định vùng đồng bào DTTS...; bảo đảm Nghị định số 05/2011/NĐ-CP là căn cứ pháp lý quan trọng để định hướng cho hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định thống nhất về công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

- Hạn chế: Mất thời gian rà soát các văn bản quy phạm pháp luật quy định chưa thống nhất về “Công tác dân tộc”, “Chính sách dân tộc”, “Vùng đồng bào DTTS” và vấn đề phân định vùng đồng bào DTTS... để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Việc thống nhất được phạm vi nội hàm về “Công tác dân tộc”, “Chính sách dân tộc”, “Vùng đồng bào DTTS” và vấn đề phân định vùng đồng bào DTTS... là căn cứ quan trọng để xác định nguồn lực kinh phí thực hiện chính sách dân tộc bảo đảm sử dụng nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả, “Ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho địa bàn đặc biệt khó khăn, nhóm dân tộc có khó khăn đặc thù của vùng đồng bào DTTS và miền núi” theo quan điểm, mục tiêu tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội để giải quyết dứt điểm những khó khăn, vướng mắc, hạn chế về nguồn lực như hiện nay; tránh manh mún, dàn trải, lãng phí nguồn lực.

Mặt khác, bảo đảm các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có nhận thức

thống nhất về “Công tác dân tộc”, “Chính sách dân tộc”, “Vùng đồng bào DTTS” và vấn đề phân định vùng đồng bào DTTS để các cơ quan nhà nước nhất quán trong chỉ đạo, nghiên cứu, tham mưu tổ chức triển khai thực hiện; xác định rõ quyền lợi, trách nhiệm của đối tượng thụ hưởng chính sách; các tổ chức, cá nhân chủ động, tích cực đề xuất, kiến nghị, tham gia vào quá trình giám sát, đánh giá thực hiện chính sách... nhằm tạo sự đồng thuận, chia sẻ và chung tay của toàn xã hội, bảo đảm “*Công tác dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của hệ thống chính trị*” theo quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX và Kết luận số 65-KL/TW ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Chính trị.

- Hạn chế: Có thể làm tăng nguồn lực kinh phí khi xác định phạm vi “Vùng đồng bào DTTS” là địa bàn tỉnh, huyện, xã, thôn và phân định tất cả các địa bàn này để tổ chức thực hiện chính sách dân tộc (quy định hiện này chỉ gồm xã, thôn). Cần thời gian tuyên truyền, phổ biến, quán triệt để xã hội có nhận thức thống nhất về “Công tác dân tộc”, “Chính sách dân tộc”, “Vùng đồng bào DTTS” và các vấn đề khác liên quan đến công tác dân tộc trong Nghị định mới.

c) Tác động về giới:

- Tích cực: Việc thống nhất phạm vi nội hàm về “Công tác dân tộc”, “Chính sách dân tộc”, “Vùng đồng bào DTTS”, nhất là xác định rõ địa bàn vùng đồng bào DTTS là tỉnh, huyện, xã, thôn và phân định trình độ phát triển của các địa bàn này sẽ tạo căn cứ pháp lý quan trọng, thống nhất để triển khai thực hiện các chính sách ưu tiên cho phụ nữ, trẻ em và các đối tượng yếu thế khác.

- Hạn chế: Không có tác động.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Không có tác động.

1.4. Lựa chọn giải pháp

Căn cứ vào đánh giá tác động tiêu cực và tích cực của các giải pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo lựa chọn giải pháp 2 (Sửa đổi, bổ sung phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, một số thuật ngữ, các nguyên tắc và một số quy định khác của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP đảm bảo quy định thống nhất phạm vi nội hàm về “Công tác dân tộc”, “Chính sách dân tộc”, “Vùng đồng bào DTTS” và vấn đề phân định vùng đồng bào DTTS phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ về công tác dân tộc).

Thẩm quyền ban hành chính sách: Chính phủ.

2. Chính sách 2: Chính sách phát triển giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

2.1. Xác định vấn đề

Chất lượng giáo dục ở vùng đồng bào DTTS trong những năm qua đã có nhiều tiến bộ đáng kể. Tuy nhiên, giáo dục – đào tạo và chất lượng nguồn nhân lực vẫn còn là vấn đề thách thức lớn đối với vùng đồng bào DTTS như: Tỷ lệ người

DTTS đi học đúng độ tuổi còn thấp¹; tỷ lệ người DTTS chưa biết đọc, biết viết tiếng Việt còn khá cao²; tỷ lệ lao động người DTTS đã qua đào tạo thấp³.

Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành chưa có quy định về “*Thu hút, sử dụng đội ngũ chuyên gia là người DTTS*” để vận động nguồn nhân lực này tham gia nghiên cứu, xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách dân tộc nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác xây dựng, thực thi chính sách.

Ngoài ra, sau khi Nghị định số 05/2011/NĐ-CP được ban hành, đã có nhiều luật liên quan đến giáo dục như: Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Viên chức...) và các văn bản hướng dẫn thi hành các chế độ, chính sách ưu tiên tuyển sinh, học bổng, trợ cấp xã hội, miễn, giảm học phí, hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt, chỗ ở, tín dụng giáo dục, chế độ cử tuyển ... đối với trẻ em, học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số (nội hàm Điều 10 của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP cũng chưa có quy định về giáo dục nghề nghiệp). Do đó, các quy định của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP liên quan đến giáo dục không còn thống nhất, đồng bộ với pháp luật hiện hành, cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP với hệ thống pháp luật hiện hành về giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào DTTS đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

2.3. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành.

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không mất thời gian rà soát, không làm đảo lộn các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến chính sách giáo dục và đào tạo.

- Hạn chế: Không tạo ra hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ giữa Nghị định số 05/2011/NĐ-CP với các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến giáo dục như: Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức...) và các văn bản hướng dẫn thi hành các chế độ, chính sách ưu tiên đối với học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số, người dạy và

¹ Hiện nay còn khoảng 30% học sinh DTTS chưa được đi học đúng độ tuổi (tính cả tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông); tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở cấp trung học phổ thông của các nhóm DTTS đạt trung bình là 32,3%. Ở một số nhóm dân tộc như: Brâu, Xtiêng, Gia Rai, Mạ, Mnông, Lô Lô có tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bình quân ở mức dưới 60%, trong đó có chưa đến 10% học sinh của các nhóm DTTS trên đi học đúng độ tuổi ở cấp trung học phổ thông.

² Hiện nay còn 18,51% người DTTS (tương đương với 2.61 triệu người) chưa biết đọc, biết viết tiếng Việt. Các nhóm DTTS gồm: Mảng, Lự, La Hủ có trên 50% dân số không biết chữ.

³ Trung bình đạt 10,8%, mới bằng gần 1/3 so với tỷ lệ trung bình của lực lượng lao động cả nước. Một số nhóm DTTS có tỷ lệ lao động đã qua đào tạo ở mức dưới 2%, thậm chí có những nhóm DTTS gần 100% lao động chưa qua đào tạo như: Xtiêng, Brâu, Mảng, Rơ Măm, Ba Na, Phù Lá, Raglay, La Hủ và Khơ Mú.

người học ở vùng đồng bào DTTS.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Không làm phát sinh chi phí, không có tác động đến xã hội so với quy định hiện hành của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP và pháp luật có liên quan về giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào DTTS.

- Hạn chế: Không đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao, không huy động được các chuyên gia (nhân lực) là người DTTS tham gia nghiên cứu, xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách dân tộc đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào DTTS trong tình hình mới; về lâu dài sẽ mất nhiều chi phí cho Nhà nước do phải thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (từ nơi khác đến).

Bên cạnh đó, khó nâng cao trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực ở vùng đồng bào DTTS lên so với mặt bằng chung của cả nước. Trình độ dân trí thấp sẽ khó xây dựng xã hội dân chủ, văn minh, tiến bộ dẫn đến đời sống xã hội ở vùng đồng bào DTTS ngày càng bị tụt hậu so với các vùng phát triển; trình độ dân trí thấp cũng dễ bị các thế lực thù địch, đối tượng xấu kích động, xúi giục, lợi dụng để vi phạm pháp luật.

c) Tác động về giới:

- Tích cực: Không thay đổi so với quy định hiện hành.

- Hạn chế: Phụ nữ, đặc biệt là trẻ em gái – những đối tượng thiệt thòi nhất ở vùng đồng bào DTTS sẽ không được thụ hưởng đầy đủ quyền học tập, khó thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Không có tác động.

2.3.2. Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung “Chính sách phát triển giáo dục và đào tạo” tại Nghị định số 05/2011/NĐ-CP đảm bảo bao quát đầy đủ các chế độ, chính sách về giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào DTTS

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Tạo ra hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ giữa Nghị định số 05/2011/NĐ-CP với các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến giáo dục như: Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức...) và các văn bản hướng dẫn thi hành các chế độ, chính sách ưu tiên đối với học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số, người dạy và người học ở vùng đồng bào DTTS.

- Hạn chế: Mất thời gian rà soát các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến chính sách giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở vùng đồng bào DTTS.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Từng bước đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo cơ chế huy động các chuyên gia (nhân lực) là người DTTS tham gia nghiên cứu, xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách dân tộc đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào DTTS trong tình hình mới; về lâu dài đội ngũ này sẽ tạo ra tiềm lực kinh tế để phát triển toàn diện vùng đồng bào DTTS. Mặt khác, việc sử dụng đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ giảm thiểu chi phí tối đa cho Nhà nước khi đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tại những địa bàn này.

Mặt khác, nâng cao trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào DTTS sẽ tạo tiền đề quan trọng để xây dựng xã hội dân chủ, văn minh, tiến bộ; bảo đảm mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội được thực hiện đầy đủ quyền học tập, nâng cao năng lực để tự vươn lên trong cuộc sống, giúp người dân tích cực, chủ động tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội nói chung, tham gia thực hiện các chính sách dân tộc nói riêng; hạn chế các thế lực thù địch, đối tượng xấu kích động, xúi giục, lợi dụng để vi phạm pháp luật.

- Hạn chế: Cần thời gian, kinh phí phù hợp để từng bước đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; thực hiện chế độ đãi ngộ hợp lý để huy động các chuyên gia (nhân lực) là người DTTS sẽ phát sinh thêm kinh phí so với quy định hiện hành.

c) Tác động về giới:

- Tích cực: Tạo điều kiện thuận lợi để phụ nữ, đặc biệt là trẻ em gái – những đối tượng thiệt thòi nhất ở vùng đồng bào DTTS được thụ hưởng đầy đủ quyền học tập, đảm bảo thực hiện bình đẳng giới cho phụ nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Hạn chế: Không.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Không có tác động.

2.4. Lựa chọn giải pháp

Căn cứ vào đánh giá tác động tiêu cực và tích cực của các giải pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo lựa chọn giải pháp 2 (Sửa đổi, bổ sung “Chính sách phát triển giáo dục và đào tạo” tại Nghị định số 05/2011/NĐ-CP đảm bảo bao quát đầy đủ các chế độ, chính sách về giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào DTTS).

Thẩm quyền ban hành chính sách: Chính phủ.

3. Chính sách 3: Chính sách đối với người có uy tín, biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong đồng bào DTTS

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, đối tượng người có uy tín chưa được tích hợp đầy đủ⁴. Chế độ, chính sách đối với người có uy tín chỉ mang tính động viên, hỗ trợ; cơ chế hỗ trợ, tạo điều kiện để người có uy tín thực hiện trách nhiệm, nhiệm vụ được giao chưa cụ thể nên chưa thực sự tạo động lực đối với người có uy tín trong thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm được giao; một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa nhận thức đầy đủ và chủ động phát huy vị trí, vai trò của người có uy tín nên chưa quan tâm đến hoạt động, giao nhiệm vụ đối với người có uy tín; kinh phí hằng năm bố trí thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, thực hiện chính sách và vận động, phát huy vai trò người có uy tín còn hạn chế nên ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện một số chế độ, chính sách đối với người có uy tín.

Hiện nay, một số chế độ, chính sách về biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín quy định trong Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023). Tuy nhiên, các chế độ, chính sách này chưa được quy định trong Nghị định số 05/2011/NĐ-CP nên cần được thể chế để triển khai thực hiện ổn định, thống nhất và lâu dài nhằm cụ thể hoá nội dung “*Kịp thời biểu dương, tôn vinh, động viên người tiêu biểu có uy tín, doanh nhân, nhà khoa học trong cộng đồng các dân tộc thiểu số có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*” tại điểm g khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 88/2019/QH14.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quy định thống nhất đối tượng và các chế độ, chính sách đối với người có uy tín, đảm bảo khuyến khích, động viên và tạo điều kiện thuận lợi để người có uy tín thực hiện tốt nhiệm vụ và trách nhiệm được giao; kịp thời biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến.

3.3. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

3.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành.

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không mất thời gian rà soát, không làm đảo lộn các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến chính sách đối với người có uy tín ở vùng DTTS.

- Hạn chế: Không tạo ra hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ, đảm bảo thực hiện chế độ, chính sách đối với người có uy tín, các điển hình tiên tiến một cách ổn định, lâu dài để huy động lực lượng này tham gia tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật

⁴ Hiện nhiều người có uy tín trong cộng đồng dân tộc nhưng chưa được lựa chọn từ thôn, bản như cán bộ, công chức, chuyên gia người DTTS làm công tác dân tộc đã nghỉ hưu; những người có uy tín trong cộng đồng dân tộc nhưng không sống ở địa bàn có tiêu chí bình bầu người có uy tín.

của Đảng và Nhà nước.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Không phát sinh kinh phí, không có tác động về xã hội so với quy định của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP về chính sách đối với người có uy tín ở vùng DTTS.

- Hạn chế: Khó bảo đảm nguồn lực để triển khai thực hiện “Chính sách biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS” ổn định, thống nhất và lâu dài; khó huy động người có uy tín thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và trách nhiệm được giao, trong đó, có nhiệm vụ vận động đồng bào DTTS tham gia phát triển kinh tế. Do đó, về lâu dài, Nhà nước sẽ phải bỏ nhiều chi phí hơn để giải quyết những vấn đề phát sinh ở vùng đồng bào DTTS.

Hơn nữa, khó huy động được một lực lượng rất quan trọng trong xã hội (người có uy tín, các điển hình tiên tiến) – đây là lực lượng có vai trò lớn của xã hội trong việc làm gương, cầu nối để tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; tạo sự lan tỏa, đồng thuận, đoàn kết thống nhất của toàn xã hội trong tổ chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc... nhằm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào DTTS.

c) Tác động về giới:

- Tích cực: Không.

- Hạn chế: Không huy động được lực lượng người có uy tín, các điển hình tiên tiến tham gia tích cực để tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS xóa bỏ các phong tục tập quán lạc hậu, không còn phù hợp (thông thường những tập quán này thường tạo gánh nặng cho phụ nữ, gây mất bình đẳng giới cho phụ nữ tham gia các hoạt động xã hội....).

d) Tác động của thủ tục hành chính: Không có tác động.

3.3.2. Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung “Chính sách đối với người có uy tín ở vùng DTTS” tại Điều 12 của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP thành “Chính sách đối với người có uy tín, biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong đồng bào DTTS”

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Tạo ra hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ, đảm bảo thực hiện chế độ, chính sách đối với người có uy tín, các điển hình tiên tiến một cách ổn định, lâu dài để huy động lực lượng này tham gia tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- Hạn chế: Mất thời gian rà soát các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến chính sách biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS.

b) Tác động đối với kinh tế

- Tích cực: Bảo đảm nguồn lực để triển khai thực hiện “Chính sách đối với người có uy tín, biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong đồng bào DTTS” ổn định, thống nhất và lâu dài; tạo động lực để huy động người có uy tín thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và trách nhiệm được giao, trong đó, có nhiệm vụ vận động đồng bào DTTS tham gia phát triển kinh tế - xã hội, ổn định cuộc sống. Bên cạnh đó, việc biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến theo định kỳ, đột xuất sẽ tạo động lực để các đơn vị, cá nhân trong cộng đồng các dân tộc thiểu số thi đua phát triển kinh tế, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, từng bước giảm nghèo bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Về lâu dài, Nhà nước ngày càng bỏ chi phí ít hơn để giải quyết những vấn đề phát sinh ở vùng đồng bào DTTS.

Bên cạnh đó, nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức hệ thống chính trị các cấp trong việc huy động người có uy tín, các điển hình tiên tiến - một lực lượng rất quan trọng, có vai trò lớn trong xã hội phối hợp tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tạo sự lan tỏa, đồng thuận, đoàn kết thống nhất của toàn xã hội trong tổ chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc..., góp phần ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào DTTS.

- Hạn chế: Hiện nay, kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người có uy tín đã được quy định khá cụ thể bảo đảm thực hiện theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg); kinh phí biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến đã được bảo đảm từ Chương trình mục tiêu quốc gia 1719 (giai đoạn 2021-2025). Tuy nhiên, sau năm 2025 có thể phát sinh thêm kinh phí để triển khai thực hiện chính sách biểu dương, tôn vinh người có uy tín, điển hình tiên tiến trong đồng bào DTTS.

c) Tác động về giới:

- Tích cực: Huy động được lực lượng người có uy tín, các điển hình tiên tiến tham gia tích cực tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS từng bước xóa bỏ các phong tục tập quán lạc hậu, không còn phù hợp để thúc đẩy bình đẳng giới cho phụ nữ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Hạn chế: Không.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Không có tác động.

3.4. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Căn cứ vào đánh giá tác động tiêu cực và tích cực của các giải pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo lựa chọn giải pháp 2 (Sửa đổi, bổ sung “Chính sách đối với người có uy tín ở vùng DTTS” tại Điều 12 của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP thành “Chính sách đối với người có uy tín, biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong đồng bào DTTS”).

Thẩm quyền ban hành chính sách: Chính phủ.

4. Chính sách 4: Chi đặc thù đối với một số đơn vị, cá nhân là người dân tộc thiểu số

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, hơn 20 năm qua UBNDT đã triển khai nhiệm vụ “Thăm hỏi, chúc mừng, tôn vinh đối với tập thể, cá nhân người DTTS”⁵ đạt được nhiều kết quả thiết thực, phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của đồng bào các DTTS; kịp thời thăm hỏi, động viên, tri ân đối với các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển các dân tộc thiểu số, xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; chia sẻ, cổ vũ, động viên các đối tượng vượt qua mọi khó khăn trong thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, tiếp tục tham gia tích cực vào các phong trào, các cuộc vận động xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc..., góp phần xây dựng và củng cố thêm niềm tin vững chắc của Nhân dân với Đảng, Nhà nước; địa bàn vùng DTTS, miền núi, vùng biên giới - nơi phen dậu của Tổ quốc luôn ổn định; thế trận quốc phòng và an ninh vững chắc. Thông qua đó, UBNDT có điều kiện huy động các nguồn lực của xã hội để chủ động nắm tình hình ở cơ sở vùng đồng bào DTTS và tâm tư, nguyện vọng của đồng bào để kịp thời tham mưu cho Đảng, Nhà nước ban hành chủ trương, chính sách dân tộc phù hợp với tình hình thực tế. Tuy nhiên, hiện nay việc triển khai thực hiện quy định chi đặc thù còn gặp một số khó khăn, vướng mắc, bất cập sau:

Thứ nhất, chi đặc thù đối với một số đơn vị, cá nhân là người dân tộc thiểu số (do UBNDT thực hiện) mới được quy định tại các quyết định cá biệt của UBNDT⁶ và văn bản trao đổi, thống nhất với Bộ Tài chính⁷ để triển khai thực hiện. Trong giai đoạn hiện nay, việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện quy định trên chưa đảm bảo cơ sở pháp lý, chưa phù hợp với thẩm quyền ban hành văn bản của Chính phủ đối với công tác dân tộc theo quy định tại Điều 16

⁵ Gồm các đối tượng: (i) Các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước; (ii) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Cán bộ lão thành cách mạng, Cán bộ tiền khởi nghĩa, Chiến sĩ cách mạng tiêu biểu là người dân tộc thiểu số (DTTS); các đồng chí cán bộ nghỉ hưu nguyên là: Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc; Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN); Trưởng ban, Phó Trưởng ban Dân tộc các tỉnh, thành phố; (iii) Hộ nghèo, hộ gia đình có công với cách mạng, gia đình thương binh, gia đình liệt sỹ, các hộ điển hình tiên tiến là người DTTS; (iv) Các chức sắc, chức việc tôn giáo ở vùng DTTS&MN, các nhân sỹ, trí thức tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng, già làng, trưởng bản, doanh nhân tiêu biểu là người DTTS; (v) Cán bộ lãnh đạo, học sinh, sinh viên là người DTTS có thành tích xuất sắc ở các cơ quan, trường học, địa phương; (vi) Các đơn vị, tổ chức, tập thể thuộc: tỉnh, quận, huyện, xã, phường, thôn và tương đương, trường học, đồn biên phòng, tổ chức chính trị xã hội, tôn giáo có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác dân tộc tại địa phương.

⁶ Quyết định số 197/QĐ-UBNDTMN ngày 04/11/1999; Quyết định số 425/QĐ-UBNDT ngày 21/12/2009; Quyết định số 172/QĐ-UBNDT ngày 30/7/2012; Quyết định số 676/QĐ-UBNDT ngày 10/12/2015; Quyết định số 199/QĐ-UBNDT ngày 18/4/2017.

⁷ Công văn số 5350/TC-HCSN ngày 25/10/1999; Công văn số 16094/BTC-HCSN ngày 03/11/2008; Công văn số 3182/BTC-HCSN ngày 12/3/2012; Công văn số 14600/BTC-HCSN ngày 19/10/2015 về việc góp ý bổ sung, sửa đổi Quyết định số 172/QĐ-UBNDT của UBNDT; Công văn số 547/BTC-HCSN ngày 16/01/2023 về việc kiểm tra phương án phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 (chính trị phí).

Luật Tổ chức Chính phủ và khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thứ hai, từ năm 2018 sau khi các Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ kết thúc hoạt động, Ủy ban Dân tộc tiếp nhận nhiệm vụ công tác dân tộc và miền núi của Ban Chỉ đạo 3 Tây (Công văn số 4436/VPCP-QHĐP ngày 14/5/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ của UBĐT năm 2018). Trên cơ sở đó, UBĐT đã ban hành Quyết định số 352/QĐ-UBĐT ngày 08/7/2020 phê duyệt Đề án tiếp nhận nhiệm vụ công tác dân tộc và miền núi sau khi các Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ kết thúc hoạt động. Trong đó, có các nhiệm vụ: "i) Tổ chức thăm hỏi, động viên, tranh thủ sự ủng hộ của cán bộ cốt cán, già làng, trưởng bản người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thăm hỏi, chúc mừng nhân ngày Tết cổ truyền của dân tộc (tết Nguyên Đán); phối hợp với địa phương tổ chức và tham gia các ngày tết, lễ hội truyền thống của cộng đồng DTTS các tỉnh Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ; tổ chức thăm hỏi, chúc mừng các tổ chức, cá nhân ở các tỉnh nước bạn có biên giới tiếp giáp với Việt Nam nhân ngày tết cổ truyền dân tộc của nước bạn Lào, Campuchia; ii) Hai năm một lần tổ chức gặp mặt tọa đàm, tặng quà cho già làng, trưởng bản, người có uy tín tiêu biểu, cán bộ cốt cán (nguyên Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Thứ trưởng và tương đương; sỹ quan lực lượng vũ trang từ thiếu tướng trở lên; nguyên Bí thư Tỉnh ủy, nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy, nguyên Chủ tịch HĐND tỉnh, nguyên Chủ tịch UBND tỉnh; anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, nhà giáo nhân dân, thầy thuốc nhân dân, nghệ sỹ nhân dân) thuộc các tỉnh Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ; iii) Tổ chức họp mặt, đi thăm hỏi, tặng quà cho các tổ chức Hội đoàn kết Sư Sãi yêu nước, các chùa có công với cách mạng tiêu biểu, các trường nghệ thuật Khmer, mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình có công với cách mạng, nhân sỹ, trí thức, chức sắc, chức việc, cán bộ hưu trí, học sinh, sinh viên, cán bộ chiến sỹ công tác trong quân đội, công an, người có uy tín, hộ nghèo thuộc diện chính sách là người dân tộc Khmer tiêu biểu, thuộc các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam Bộ nhân dịp Tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây của đồng bào Khmer".

Trước đây, chế độ chi đặc thù bảo đảm hoạt động của các Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ được thực hiện theo Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 11/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ chi tiêu đặc thù bảo đảm hoạt động của các Ban Chỉ đạo: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ. Tuy nhiên, sau khi các Ban Chỉ đạo chấm dứt hoạt động, chưa có văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định số 11/2010/QĐ-TTg để quy định chi đặc thù cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đã chuyển giao cho UBĐT.

Thứ ba, theo Kết luận số 896/KL-TTCTP ngày 17/8/2023 của Thanh tra Chính phủ, việc chi đặc thù cho các đối tượng thuộc cơ quan công tác dân tộc được quy định Quyết định số 199/QĐ-UBĐT của UBĐT là chưa đủ cơ sở pháp lý, cần có quy định cụ thể của Chính phủ. Do đó, từ năm 2023, UBĐT đã tạm

dừng triển khai thực hiện quy định chi đặc thù, ảnh hưởng đến việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao cho UBND, nhất là công tác gặp mặt, thăm hỏi, tặng quà, chúc mừng, động viên các đơn vị, cá nhân và theo dõi, nắm tình hình về tâm tư, nguyện vọng của đồng bào DTTS, tình hình thực tế ở vùng đồng bào DTTS ... để kịp thời tham mưu cho Đảng, Nhà nước ban hành chủ trương, chính sách dân tộc cho phù hợp.

Thứ tư, một số định mức chi tại Quyết định số 11/2010/QĐ-TTg và Quyết định số 199/QĐ-UBND còn thấp so với một số chế độ, chính sách chi đặc thù tương tự⁸; định mức chi trên cũng không còn phù hợp với thực tế do tình hình kinh tế - xã hội đã thay đổi (cần phải tăng lên tương ứng)⁹. Ngoài ra, cần phải rà soát các chế độ, chính sách và đối tượng thụ hưởng để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các chính sách hiện hành, tình hình kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, nhiệm vụ chính trị về công tác dân tộc trong tình hình mới và nguồn lực ngân sách nhà nước.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Thống nhất đối tượng, nội dung và định mức chi thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà, động viên, gặp mặt đối với một số đơn vị, cá nhân là người dân tộc thiểu số.

4.3. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

4.3.1. Giải pháp 1: Không ban hành quy định chi đặc thù đối với một số đơn vị, cá nhân là người dân tộc thiểu số

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không mất thời gian rà soát, không làm đảo lộn các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến thăm hỏi, chúc mừng, hỗ trợ kịp thời đối với đơn vị, cá nhân là người DTTS.

- Hạn chế: Không có hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ; không có cơ sở pháp lý để UBND tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao, nhất là công tác thăm hỏi, tặng quà, chúc mừng, động viên và theo dõi, nắm tình hình về tâm tư, nguyện vọng của đồng bào DTTS, tình hình thực tế ở cơ sở vùng đồng bào DTTS&MN cho phù hợp với thẩm quyền ban hành văn bản của Chính phủ đối với công tác dân tộc theo quy định tại Điều 16 Luật Tổ

⁸ Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện; Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ); Pháp lệnh ưu đãi người có công với Cách mạng 2020; Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

⁹ Định mức chế độ, chính sách chi đặc thù tại Quyết định số 11/2010/QĐ-TTg (đến nay đã được 14 năm) và Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 (đến nay đã thực hiện được 7 năm) dẫn đến không còn phù hợp với thực tiễn, cần phải nghiên cứu đề tăng định mức cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội hiện nay.

chức Chính phủ và khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Không làm phát sinh nguồn lực kinh phí từ ngân sách nhà nước để chi thăm hỏi, chúc mừng, hỗ trợ, gặp mặt đối với một số đơn vị, cá nhân là người dân tộc thiểu số; không có tác động về xã hội.

- Hạn chế: Không có nguồn lực để thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà, động viên, gặp mặt đối với một số đơn vị, cá nhân là người dân tộc thiểu số dẫn đến không có điều kiện huy động các nguồn lực của xã hội để chủ động nắm tình hình cơ sở, tình hình vùng đồng bào DTTS&MN và tâm tư, nguyện vọng của đồng bào để kịp thời tham mưu cho Đảng, Nhà nước ban hành chủ trương, chính sách dân tộc cho phù hợp với tình hình thực tế. Về lâu dài, những tập thể, cá nhân có đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN không được thăm hỏi, động viên, tri ân; những hộ gia đình, cá nhân người DTTS gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh... không được chia sẻ khó khăn, động viên kịp thời có thể tạo ra kẽ hở để các đối tượng xấu lợi dụng để lôi kéo, kích động, gây mất an ninh, trật tự an toàn xã hội và đoàn kết dân tộc, gây ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở vùng đồng bào DTTS&MN, có thể gây ra những thiệt hại về kinh tế lớn hơn nhiều so với nguồn lực kinh phí do Nhà nước bỏ ra để thực hiện quy định này.

Việc không tổ chức gặp mặt, thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà, động viên kịp thời đối với đơn vị, cá nhân là người dân tộc thiểu số, nhất là tri ân đối với các tập thể, cá nhân có đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết, thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc ở vùng đồng bào DTTS&MN... cũng sẽ khó phát huy truyền thống, văn hóa tốt đẹp "Không để ai bị bỏ lại phía sau", "Thương người như thể thương thân", "Lá lành đùm lá rách" của dân tộc ta; khó tạo dựng sự đồng thuận của xã hội, củng cố lòng tin của đồng bào đối với Đảng, Nhà nước dẫn đến khó huy động sự vào cuộc của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, các cấp, các ngành, toàn bộ hệ thống chính trị tham gia thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc, khó tạo động lực và điều kiện để các DTTS phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, hòa nhập với sự phát triển của đất nước.

c) Tác động về giới

- Tích cực: Không có tác động.

- Hạn chế: việc không tiếp đón, thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà, động viên kịp thời đối với đơn vị, cá nhân là người DTTS, nhất là thăm hỏi, động viên hộ gia đình, các nhân người DTTS thuộc diện hộ nghèo, gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh... sẽ không có điều kiện đảm bảo để phụ nữ, trẻ em (trẻ em gái) DTTS – đối tượng yếu thế nhất trong xã hội tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, vượt qua đói nghèo, giảm gánh nặng lao động, có thể dẫn đến

những hệ lụy không mong muốn đến với những đối tượng này.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Không có tác động.

4.3.2. Giải pháp 2: Ban hành quy định chi đặc thù đối với một số đơn vị, cá nhân là người dân tộc thiểu số. Trong đó, quy định cụ thể về đối tượng, nội dung và định mức chi cho phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, bảo đảm cơ sở pháp lý để UBNDT tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao, nhất là công tác thăm hỏi, chúc mừng, hỗ trợ và theo dõi, nắm tình hình về tâm tư, nguyện vọng của đồng bào DTTS, tình hình thực tế ở cơ sở vùng đồng bào DTTS&MN cho phù hợp với thẩm quyền ban hành văn bản của Chính phủ đối với công tác dân tộc theo quy định tại Điều 16 Luật Tổ chức Chính phủ và khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Hạn chế: Mất thời gian rà soát các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến tiếp đón, thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà, động viên đối với đơn vị, cá nhân là người DTTS.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Bảo đảm nguồn lực để gặp mặt, thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà, động viên đối với một số đơn vị, cá nhân là người DTTS, tạo điều kiện thuận lợi để UBNDT tham mưu cho Đảng, Nhà nước hoặc huy động các nguồn lực của xã hội để chủ động nắm tình hình cơ sở ở vùng đồng bào DTTS và tâm tư, nguyện vọng của đồng bào để kịp thời tham mưu cho Đảng, Nhà nước ban hành chủ trương, chính sách dân tộc cho phù hợp với tình hình thực tế.

Quy định chi đặc thù tạo tiền đề để tri ân, khích lệ, động viên và tiếp tục huy động các tập thể, cá nhân đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết, thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc, bảo đảm quốc phòng - an ninh ở vùng đồng bào DTTS; chia sẻ, động viên kịp thời những hộ gia đình, cá nhân người DTTS gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh... vượt qua khó khăn, xây dựng đời sống kinh tế ổn định, bền vững để duy trì cuộc sống, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào DTTS ở những địa bàn đặc biệt khó khăn, nơi phen dậu của Tổ quốc, nhằm tạo động lực vững chắc để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở vùng đồng bào DTTS.

Quy định này cũng tạo tiền đề để phát huy truyền thống, văn hóa tốt đẹp "Không để ai bị bỏ lại phía sau", "Thương người như thể thương thân", "Lá lành đùm lá rách" của dân tộc ta, vừa tạo sự đồng thuận của xã hội, củng cố lòng tin của đồng bào đối với Đảng, Nhà nước... sẽ hạn chế tối đa để các đối tượng xấu lợi dụng lời kéo, kích động, gây mất an ninh, trật tự an toàn xã hội và đoàn kết dân tộc. Đây là điều kiện tiên quyết để huy động sự vào cuộc của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, các cấp, các ngành, toàn bộ hệ thống chính trị tham gia thực

hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc, tạo động lực và điều kiện thuận lợi để các DTTS phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, hòa nhập với sự phát triển của đất nước.

Qua 20 năm thực hiện quy định chi đặc thù cho thấy, việc tổ chức gặp mặt các đoàn đại biểu và tặng quà cho các cá nhân trong đoàn thể hiện tình cảm, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước giành cho các đoàn đại biểu người DTTS về thăm và làm việc với các cơ quan nhà nước tại Hà Nội. Hoạt động này có ý nghĩa chính trị rất sâu sắc, có giá trị tinh thần và để lại ấn tượng lớn đối với từng đại biểu hơn cả việc các cơ quan, tổ chức đi thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà, động viên từng trường hợp tại các địa phương. Quy định này là điều kiện tiên quyết, tạo điều kiện thuận lợi để Chính phủ, Ủy ban Dân tộc thực hiện tốt nhiệm vụ “săn sóc cho tất cả các đồng bào” như lời dặn và mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Hạn chế: sẽ phải duy trì nguồn lực kinh phí từ ngân sách nhà nước để chi đặc thù đối với một số đơn vị, cá nhân là người dân tộc thiểu số như hiện nay.

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách này (nguồn chi chính trị phí) đã được ngân sách nhà nước bố trí theo nguồn kinh phí thường xuyên từ năm 1999 đến nay. Giai đoạn 2002 -2019, ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của UBND để thực hiện nội dung này khoảng 12 tỷ/năm, giai đoạn 2020 -- 2023 được bố trí khoảng 15 tỷ đồng/năm.

Để đảm bảo nguồn lực kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện chi đặc thù không tăng so với hiện hành (khoảng 15 tỷ đồng/năm), UBND đã rà soát các chế độ, chính sách chi hiện hành có nội dung tương tự để đảm bảo không trùng với đối tượng và nội dung chi. Mặt khác, chi đặc thù đối với một số đơn vị, cá nhân là người dân tộc thiểu số không phải là chế độ, chính sách chi thường xuyên, phụ cấp. Do đó, UBND sẽ tham mưu tổ chức thực hiện chính sách này đảm bảo cân đối, hợp lý giữa việc thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà, động viên và tổ chức gặp mặt dựa trên nguyên tắc tổng kinh phí không thay đổi (Không làm phát sinh ngân sách so với kinh phí đã bố trí thực hiện chính sách này hằng năm khoảng 15 tỷ đồng/năm).

c) Tác động về giới

- Tích cực: việc tiếp đón, thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà, động viên kịp thời đối với đơn vị, cá nhân là người DTTS, nhất là thăm hỏi, động viên hộ gia đình, các nhân người DTTS thuộc diện hộ nghèo, gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh... sẽ tạo điều kiện đảm bảo để phụ nữ, trẻ em (trẻ em gái) DTTS – đối tượng yếu thế nhất trong xã hội có điều kiện để tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, vượt qua đói nghèo, giảm gánh nặng lao động, tránh những hệ lụy không mong muốn đến với những đối tượng này.

- Hạn chế: Không có.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Không có tác động.

4.4. Lựa chọn giải pháp

Căn cứ vào đánh giá tác động tiêu cực và tích cực của các giải pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo lựa chọn giải pháp 2 (Ban hành quy định đặc thù đối với một số đơn vị, cá nhân là người dân tộc thiểu số. Trong đó, quy định cụ thể về đối tượng, nội dung và định mức chi cho phù hợp với các chính sách hiện hành và tình hình thực tế).

Thẩm quyền ban hành chính sách: Chính phủ.

5. Chính sách 5: Chính sách thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý

5.1. Xác định vấn đề

Thông tin, truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý là những nhiệm vụ quan trọng trong quá trình xây dựng, tổ chức thi hành chính sách, pháp luật để đảm bảo các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân thống nhất nhận thức và hành động trong tổ chức thực thi chính sách dân tộc hiệu quả; có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; tạo sự đồng thuận và giúp người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhận thức đầy đủ các quyền và nghĩa vụ pháp lý của mình, thúc đẩy thực hiện dân chủ ở cơ sở, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, an toàn trật tự, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ quyền công dân, quyền con người.

Tuy nhiên, một số quy định tại Điều 18 của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP chưa thống nhất, đồng bộ với quy định tại Điều 7, Điều 17 Luật Trợ giúp pháp lý, Điều 17 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ... nên hiện nay việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số (nhất là việc xây dựng cơ sở dữ liệu) trong triển khai thực hiện chính sách dân tộc chưa được quan tâm đúng mức, chưa kịp thời, đồng bộ với xu thế chung của cả nước, gây khó khăn cho công tác dự báo, hoạch định, xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Việc sử dụng ngôn ngữ các DTTS để thông tin, truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng còn rất hạn chế; công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ trợ giúp viên pháp lý, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật là người DTTS, biết tiếng DTTS còn gặp nhiều khó khăn... ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả truyền thông, phổ biến pháp luật.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật tạo sự đồng thuận, nâng cao nhận thức và thống nhất hành động của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân, đối tượng thụ hưởng nhằm nâng cao hiệu quả thực thi chính sách dân tộc.

5.3. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

5.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không mất thời gian rà soát, không làm đảo lộn các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến chính sách thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho người DTTS, vùng đồng bào DTTS.

- Hạn chế: Không tạo ra hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ, đảm bảo thực hiện chính sách thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho người DTTS, vùng đồng bào DTTS.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Không phát sinh kinh phí so với quy định của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP để thực hiện chính sách thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý; không có tác động về xã hội.

- Hạn chế: Khó bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho đồng bào DTTS một cách thống nhất, đồng bộ, hiệu quả. Mặt khác, việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số yếu kém sẽ gây lãng phí nguồn lực cho công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành, giám sát triển khai thực hiện chính sách dân tộc; công tác thông tin, truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật yếu kém sẽ khó huy động được nguồn lực của xã hội tham gia thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc... dẫn đến Nhà nước phải mất nhiều nguồn lực để triển khai thực hiện công tác này.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số yếu kém trong triển khai thực hiện chính sách dân tộc khó đảm bảo tính công khai, minh bạch dẫn đến các lực lượng trong xã hội, đối tượng thụ hưởng khó theo dõi, giám sát, góp ý, phản biện xã hội để nâng cao hiệu quả thực thi chính sách; các cơ quan nhà nước khó khăn trong việc nhận định, đánh giá kết quả để đưa ra chính sách phù hợp với thực tiễn. Công tác thông tin, truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật yếu kém sẽ khó thay đổi nhận thức, sự đồng thuận, chung tay của người dân, của xã hội, của cả hệ thống chính trị tham gia thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

c) Tác động về giới:

- Tích cực: Không.

- Hạn chế: Không được cung cấp thông tin chính sách, pháp luật kịp thời có thể dẫn đến phụ nữ mất cơ hội thực hiện bình giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Không có tác động.

5.3.2. Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung một số khoản của các Điều 17 và 18 Nghị định 05/2011/NĐ-CP cho thống nhất, đồng bộ và thể chế hóa được các nội dung liên quan tại Luật Trợ giúp pháp lý, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Luật Hoà giải ở cơ sở, Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Dự án 10 tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Tạo ra hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ, đảm bảo thực hiện chính sách thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho người DTTS, vùng đồng bào DTTS (nhất là việc sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến trợ giúp pháp lý) mà không có chính sách rời.

- Hạn chế: Mất thời gian rà soát các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến chính sách thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho người DTTS, vùng đồng bào DTTS, nhất là các quy định liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sử dụng ngôn ngữ các DTTS để thông tin, truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng và công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ trợ giúp viên pháp lý, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật là người DTTS, biết tiếng DTTS.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho đồng bào DTTS một cách thống nhất, đồng bộ, hiệu quả. Trong đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số thành công sẽ tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm nguồn lực cho công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành, giám sát triển khai thực hiện chính sách dân tộc. Thực hiện tốt công tác thông tin, truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật được tăng cường sẽ huy động được nguồn lực của xã hội tham gia thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc... do đó, Nhà nước sẽ mất ít nguồn lực để triển khai thực hiện công tác này. Việc trợ giúp pháp lý đầy đủ sẽ đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của đồng bào DTTS được bảo vệ kịp thời (tránh gây thiệt hại về kinh tế, mất chi phí của người dân).

Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong triển khai thực hiện chính sách dân tộc sẽ đảm bảo tính công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi để các lực lượng trong xã hội, đối tượng thụ hưởng theo dõi, giám sát, góp ý, phản biện xã hội nhằm nâng cao hiệu quả thực thi chính sách; làm căn cứ quan trọng và thuận lợi để các cơ quan nhà nước nhận định, đánh giá kết quả thực hiện chính sách dân tộc, dự báo, hoạch định, xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc phù hợp với thực tiễn, tránh lãng phí nguồn lực của Nhà nước, của xã hội và của người dân.

Công tác thông tin, truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý được tăng cường sẽ làm thay đổi nhận thức, tạo sự đồng thuận

của xã hội, của cả hệ thống chính trị để chung tay tham gia thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc, đặc biệt là nâng cao nhận thức của đối tượng thụ hưởng chính sách để phát huy ý chí tự lực, tự cường, tự vươn lên, tăng niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, đối với công tác tổ chức thi hành và bảo vệ pháp luật, công lý.

- Hạn chế: Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; tăng cường công tác thông tin, truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý trước mắt sẽ phát sinh kinh phí thực hiện chính sách này so với quy định hiện hành. Tuy nhiên, về lâu dài khi ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số thành công, nhận thức của người dân được tăng lên thông qua công tác truyền thông chính sách, phổ biến pháp luật ... sẽ là nguồn lực lớn để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở vùng đồng bào DTTS.

c) Tác động về giới:

- Tích cực: Việc cung cấp thông tin chính sách, pháp luật, hỗ trợ pháp lý kịp thời sẽ bảo vệ tốt quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ, đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để phụ nữ thực hiện bình giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Hạn chế: Không.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Không có tác động.

5.4. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Căn cứ vào đánh giá tác động tiêu cực và tích cực của các giải pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo lựa chọn giải pháp 2 (Sửa đổi, bổ sung một số khoản của các Điều 17 và 18 Nghị định 05/2011/NĐ-CP cho thống nhất, đồng bộ và thể chế hóa được các nội dung liên quan tại Luật Trợ giúp pháp lý, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Luật Hoà giải ở cơ sở, Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Dự án 10 tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg) để nâng cao nhận thức cho đồng bào DTTS, vận động đồng bào tham gia thực hiện chính sách dân tộc nhằm phát huy ý chí tự lực, tự cường của các DTTS, bảo đảm hiệu quả xây dựng, thực hiện chính sách dân tộc.

Thẩm quyền ban hành chính sách: Chính phủ.

6. Chính sách 6: Quy định cụ thể quản lý nhà nước về công tác dân tộc và phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng cho các bộ, ngành, địa phương trong việc hướng dẫn thi hành, tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản triển khai thực hiện các chính sách dân tộc

6.1. Xác định vấn đề

Quản lý nhà nước về CTDT hiện nay còn nhiều bất cập, hạn chế, một số nơi chưa được chú trọng đúng mức, chưa kịp thời, đồng bộ, đầy đủ, chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, nhất là: i) Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn của cơ quan làm CTDT¹⁰. Theo thống kê, hiện nay có 52 cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh (gồm: 47 Ban Dân tộc cấp tỉnh, thành phố và 5 Phòng Dân tộc thuộc VPUBND tỉnh, thành phố), 284 Phòng Dân tộc cấp huyện. Tuy nhiên, tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan công tác dân tộc ở địa phương không ổn định, biên chế ít... chưa xứng tầm với vị trí chiến lược của công tác dân tộc trong tình hình hiện nay; ii) Huy động và sử dụng các nguồn lực đầu tư cho vùng DTTS còn nhiều hạn chế; iii) Công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trong hệ thống cơ quan nhà nước nói chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm CTDT và đội ngũ cán bộ, công chức công tác ở vùng đồng bào DTTS chưa đảm bảo về số lượng, chất lượng, chưa tương xứng, phù hợp với lĩnh vực, địa bàn công tác.

Mặt khác, công tác dân tộc là nhiệm vụ đa ngành, đa lĩnh vực liên quan đến nhiều bộ, ngành, địa phương, thuộc thẩm quyền nhiều cấp quy định, quyết định. Tuy nhiên, việc phân cấp quản lý nhà nước về công tác dân tộc và phân công trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương trong việc hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản triển khai thực hiện các chính sách dân tộc chưa rõ ràng, cụ thể, chưa thật sự tạo động lực để phát huy sự chủ động, sáng tạo của địa phương; chưa đảm bảo phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng đồng bào DTTS, tinh thần, ý chí tự lực, tự cường để các DTTS phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước; chưa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới để giải quyết những vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách của công tác dân tộc.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Đảm bảo nội dung quản lý nhà nước về công tác dân tộc rõ ràng, cụ thể; cơ quan công tác dân tộc có sự ổn định, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đồng thời, phân công rõ trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương trong việc hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật triển khai thực hiện các chính sách dân tộc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới và tình hình thực tế của địa phương.

6.3. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

6.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như quy định hiện hành

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Không mất thời gian rà soát, không làm đảo lộn các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tổ chức bộ máy cơ quan công tác dân tộc và phân công trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

¹⁰ Kết quả điều tra, khảo sát cho thấy, 80% ý kiến cơ quan, 68% ý kiến công chức cho rằng công tác kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan làm CTDT từ Trung ương đến cơ sở và việc thực hiện phân công, phân cấp trong lĩnh vực CTDT chưa kịp thời, đầy đủ, chưa đáp ứng yêu cầu.

- Hạn chế: Không tạo ra hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ, đảm bảo quy định rõ tổ chức bộ máy, nội dung quản lý nhà nước về công tác dân tộc và có sự công rõ ràng về trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Không phát sinh kinh phí so với quy định của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc và duy trì hoạt động của cơ quan công tác dân tộc; không có tác động đối với xã hội.

- Hạn chế: Khó kiện toàn cơ quan công tác dân tộc theo hướng ổn định, tinh gọn, rõ nội dung quản lý nhà nước, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; khó phân công rõ trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc hướng dẫn thi hành, tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật để triển khai thực hiện các chính sách dân tộc đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về những vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách của công tác dân tộc trong tình hình mới... có thể dẫn đến lãng phí nguồn lực của nhà nước đầu tư cho vùng đồng bào DTTS.

Mặt khác, nội dung quản lý nhà nước về công tác dân tộc không rõ có thể dẫn đến tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan nhà nước có liên quan; gây khó khăn cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý nhà nước về công tác dân tộc, phản biện xã hội trong tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Tổ chức bộ máy, biên chế, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan công tác dân tộc không ổn định, rõ ràng, cụ thể ... sẽ tác động rất lớn đến tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc và đồng bào DTTS; không tạo điều kiện thuận lợi, môi trường làm việc ổn định để cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác sẽ khó phát huy được năng lực, sở trường, trí tuệ, sự cống hiến lâu dài trong lĩnh vực công tác dân tộc.

c) Tác động về giới:

- Tích cực: Không.

- Hạn chế: Tổ chức bộ máy, biên chế, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan công tác dân tộc không ổn định, rõ ràng, cụ thể ... sẽ xác định vị trí ưu tiên trong tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức nữ, có thể gây mất bình đẳng giới cho phụ nữ trong lĩnh vực chính trị.

d) Tác động của thủ tục hành chính: không có tác động.

6.3.2. Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung các quy định của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP theo hướng quy định cụ thể hơn nội dung quản lý nhà nước về công tác dân tộc và kiện toàn cơ quan công tác dân tộc đảm bảo phân công trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc hướng dẫn thi hành, tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật để triển khai thực hiện các chính sách dân tộc

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tích cực: Tạo ra hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ, đảm bảo quy định rõ tổ chức bộ máy, nội dung quản lý nhà nước về công tác dân tộc và có sự công rõ ràng về trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

- Hạn chế: Mất thời gian rà soát các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tổ chức bộ máy cơ quan công tác dân tộc và phân công trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

b) Tác động về kinh tế - xã hội

- Tích cực: Việc kiện toàn cơ quan công tác dân tộc theo hướng ổn định, tinh gọn, rõ nội dung quản lý nhà nước, hoạt động hiệu lực, hiệu quả sẽ đảm bảo có sự phân công rõ trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc hướng dẫn thi hành, tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật để triển khai thực hiện các chính sách dân tộc đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về những vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách của công tác dân tộc trong tình hình mới; đảm bảo triển khai thực hiện chính sách dân tộc thống nhất, đồng bộ, hiệu quả từ Trung ương đến địa phương theo hướng tập trung nguồn lực để giải quyết dứt điểm những vấn đề bức xúc ở vùng đồng bào DTTS... sẽ tránh lãng phí nguồn lực nhà nước.

Nội dung quản lý nhà nước, tổ chức, biên chế, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan công tác dân tộc rõ ràng, cụ thể, ổn định..., một mặt, giảm tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan nhà nước có liên quan; tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý nhà nước về công tác dân tộc, phản biện xã hội trong tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi, môi trường làm việc ổn định để cán bộ, công chức, viên chức ổn định tâm tư, nguyện vọng, yên tâm công tác, cống hiến lâu dài, đảm bảo phát huy được năng lực, sở trường, trí tuệ của cán bộ, công chức, viên chức.

Cơ quan công tác dân tộc vừa tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, theo dõi, nắm tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số thường xuyên, liên tục ... giúp đồng bào DTTS hiểu rõ chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, tạo điều kiện để đồng bào chủ động đồng hành cùng với Đảng, Nhà nước tổ chức triển khai thực hiện chính sách dân tộc hiệu quả. Mặt khác, cơ quan công tác dân tộc vừa nắm tâm tư, nguyện vọng cũng đồng thời là cơ quan để đồng bào DTTS gửi gắm tâm tư, tình cảm, nguyện vọng để tham mưu cho Đảng, Nhà nước từng bước giải quyết các vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc theo quan điểm, chủ trương của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng, Nhà nước ta: có cơ quan công tác dân tộc để "săn sóc cho tất cả các đồng bào"... nhằm tạo sự đoàn kết chặt chẽ của các tầng lớp nhân dân trong xã hội.

- Hạn chế: Có thể phát sinh kinh phí để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc và duy trì hoạt động của cơ quan công tác dân tộc ở cấp huyện (khi chuẩn hóa tiêu chí để thành lập cơ quan công tác dân tộc thống nhất, đồng bộ trên phạm vi cả nước có thể tăng số Phòng Dân tộc cấp huyện lên so với hiện tại).

c) Tác động về giới:

- Tích cực: Tổ chức bộ máy, biên chế, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan công tác dân tộc rõ ràng, cụ thể, ổn định... sẽ tạo điều kiện để xác định vị trí ưu tiên trong tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức nữ, thúc đẩy bình đẳng giới cho phụ nữ trong lĩnh vực chính trị.

- Hạn chế: Không.

d) Tác động của thủ tục hành chính: Không có tác động.

6.4. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Căn cứ vào đánh giá tác động tiêu cực và tích cực của các giải pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo lựa chọn giải pháp 2 (Sửa đổi, bổ sung các quy định của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP theo hướng quy định cụ thể hơn nội dung quản lý nhà nước về công tác dân tộc và phân công rõ trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc hướng dẫn thi hành, tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật để triển khai thực hiện các chính sách dân tộc).

Thẩm quyền ban hành chính sách: Chính phủ.

III. LẤY Ý KIẾN

Các chính sách được lựa chọn thể hiện trong hồ sơ dự thảo Nghị định được đăng trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc để lấy ý kiến Nhân dân. Quá trình đánh giá tác động, Ủy ban Dân tộc đã xin ý kiến cơ quan, tổ chức, địa phương có liên quan; tổ chức các cuộc họp, hội thảo để tham vấn ý kiến các cơ quan, tổ chức, chuyên gia và nghiên cứu, tiếp thu tối đa ý kiến đóng góp để hoàn thiện báo cáo.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện chính sách này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành chính sách này.

V. PHỤ LỤC

Ủy ban Dân tộc gửi kèm theo các bảng, biểu tính toán chi phí và lợi ích

của các giải pháp, gồm:

1. Phụ lục số 2: Dự kiến kinh phí chi đặc thù thăm hỏi, động viên đối với một số đơn vị, cá nhân là người DTTS hằng năm./.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND;
- Các Thứ trưởng, PCN UBND;
- Lưu: VT, PC.

Hầu A Lệnh